



ISSN 0866 - 8086

Tạp chí
Khoa học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

An Giang University Journal of Science

Quyển 19 (1) - 2018

Volume 19 (1) - 2018

MỤC LỤC

Khả năng kháng khuẩn Vibrio parahaemolyticus của dịch trích cây trám bầu (Combretum quadrangulare) trong điều kiện in vitro

Nguyễn Công Tráng, Ngô Thị Kim Cúc, Phan Ngọc Thịnh 1

Nhân giống cây khoai môn (Colocasia esculenta L.) An Giang bằng phương pháp nuôi cấy mô

Nguyễn Thị Mỹ Duyên..... 7

Nhân giống cây dâu tây nhật (Fragaria ananassa “Penihuble”) từ nuôi cấy đỉnh sinh trưởng

Trần Thị Ngọc Lan..... 19

Ảnh hưởng của cấu trúc đến khả năng phản ứng của các dẫn xuất halogen trong phản ứng thế nucleophilic lưỡng phân tử

Phạm Phát Tân, Nguyễn Minh Lý..... 28

Nghiên cứu sự ảnh hưởng của chế độ đãi ngộ đến động lực làm việc của quản trị viên cấp trung trong các công ty xuất nhập khẩu thủy sản tỉnh Cà Mau

Ngô Mỹ Trân, Lương Hoàng Nam, Thạch Keo Sa Rát..... 35

Một số giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả chính sách giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc Khmer ở An Giang hiện nay

Lê Thiên Minh, Nguyễn Văn Cọp..... 47

Tác động của vốn ngân hàng đến khả năng sinh lời và rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam

Nguyễn Thị Kim Anh..... 59

Đánh giá mức độ công bố thông tin tự nguyện trên báo cáo thường niên của các doanh nghiệp trên sàn Upcom

Trịnh Thị Hợp 67

CONTENTS

A study on the anti-bacterial activity of extracts from sakae naa tree (Combretum quadrangulare) in Vitro

Nguyen Cong Trang, Ngo Thi Kim Cuc, Phan Ngoc Thinh..... 1

The process of micropropagation Taro (Colocasia esculenta L.)in An Giang mountain area by tissue culture

Nguyen Thi My Duyên..... 7

The process of micropropagation of Fragaria ananassa “Penihuble” through apical meristem culture

Tran Thi Ngoc Lan 19

Effects of the structure to reaction ability of halogenated hydrocarbon in bimolecular nucleophilic substitution

Pham Phat Tan, Nguyen Minh Ly 28

The impact of compensation policies on the motivation of junior managers at Ca Mau aquatery companies

Ngô Mỹ Trân, Lương Hoàng Nam, Thạch Keo Sa Rát 35

Some solutions to improve the effectiveness of poverty reduction policies in Khmer ethnic minority region in An Giang province

Le Thien Minh, Nguyen Van Cop 47

The impact of bank equity to performance and credit risks of commercial bank in Vietnam

Nguyen Thi Kim Anh 59

Assessing the level of voluntary information disclosing in annual reports of enterprises on Upcom

Trinh Thi Hop..... 67

Ảnh hưởng của yếu tố thù lao đến sự hài lòng trong công việc và lòng trung thành của nhân viên ngân hàng: nghiên cứu tại một số ngân hàng tỉnh An Giang và Kiên Giang

Huỳnh Đình Lệ Thu, Lưu Thị Thái Tâm..... 76

Giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị tại các trường đại học, cao đẳng hiện nay – thực trạng và đề xuất

Võ Văn Thắng 90

Vận dụng triết lý vô ngôn - hành động của Bác Hồ trong triển khai “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

Bùi Trung Hưng..... 97

Một số đặc điểm cơ bản của Islam giáo ở An Giang

*Võ Văn Thắng, Nguyễn Thị Ngọc Thơ,
Đỗ Thị Thanh Hà..... 104*

Đặc điểm nội dung bút ký của Nam Cao

Nguyễn Thị Kiều Oanh..... 111

Some effects of payment factor on career satisfaction and loyalty of bank employees: A research implemented in different banks in An Giang and Kien Giang province

Huynh Dinh Le Thu, Luu Thi Thai Tam 76

Teaching and learning political theory courses at universities and colleges: The reality and solutions

Vo Van Thang..... 90

Applying Uncle Ho's philosophy to popularize the action of "studying and following the ideology, morality and life styles of Ho Chi Minh through the Directive No. 05-CT/TW"

Bui Trung Hung..... 97

Some basic characteristics of Islamic cultures in An Giang

*Vo Van Thang, Nguyen Thi Ngoc Tho,
Do Thi Thanh Ha..... 104*

Content characteristics of Nam Cao's records

Nguyen Thi Kieu Oanh..... 111



ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG BÚT KÝ CỦA NAM CAO

Nguyễn Thị Kiều Oanh¹

¹Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 19/10/2017

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
06/12/2017

Ngày chấp nhận đăng: 04/2018

Title:

Content characteristics of Nam Cao's records

Keywords:

Nam Cao, record, revolutionary heroism, Vietnamese literature

Từ khóa:

Nam Cao, bút ký, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, văn học Việt Nam

ABSTRACT

Nam Cao is one of the most representative writers of Vietnamese realistic and critical literature between 1930 and 1945. His works in this period majorly focus on the peasant and bourgeois classes in Vietnam. Furthermore, he is also known as the great author of the revolutionary prose of the Anti-French Resistance War in the 1945 - 1954 period. He successfully turned his writing to records which express the transformation in mind of unawareness generations about the revolution, hardships on the path of the warrior, beliefs on the revolution and revolutionary optimism. Especially, his works also reflect his self-recognition and consideration in a new age of Vietnam history. It is clear that all his works contribute to express the revolutionary heroism in Vietnamese literature after the August Revolution in 1945.

TÓM TẮT

Nam Cao là một trong những cây bút tiêu biểu nhất cho khuynh hướng văn học hiện thực phê phán 1930 – 1945. Ông được mệnh danh là nhà văn của nông dân và những người trí thức tiểu tư sản nghèo. Không những thế, Nam Cao còn được xem là cây bút xuất sắc của văn xuôi Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). Trong đó, thể loại bút ký được xem là sự chuyển hướng khá thành công của nhà văn. Các tác phẩm đề cập đến sự thức tỉnh của một lớp người còn đang mơ hồ trong việc “nhận đường”, những khó khăn trên con đường chiến đấu, niềm tin và tinh thần lạc quan cách mạng. Đặc biệt, các tác phẩm còn thể hiện sự nhìn nhận, tự vấn của bản thân Nam Cao trước thời cuộc mới. Tất cả đã góp phần thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho diện mạo văn học Việt Nam giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám.

1. GIỚI THIỆU

Mặc dù nổi danh muện trên văn đàn Văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 nhưng Nam Cao là nhà văn tiêu biểu nhất của khuynh hướng văn học hiện thực phê phán ở giai đoạn phát triển cuối cùng (1940 – 1945). Nhắc đến ông, người ta thường nghĩ đến hình ảnh những người trí thức tiểu tư sản nghèo quẩn quanh trong những bi kịch giữa ước mơ và gánh nặng cuộc sống đời thường, hoặc hình ảnh những người nông dân nghèo khổ

luôn phải vật lộn với cái đói trong ranh giới giữa nhân phẩm và miếng ăn. Đó là đóng góp của Nam Cao cho văn học giai đoạn tiền khởi nghĩa. Sau 1945, Nam Cao vẫn tiếp tục sáng tác cho đến hơi thở cuối cùng (1951). Trong đó, bên cạnh việc tiếp tục gom nhặt những khoảnh khắc cuộc sống trong các truyện ngắn như *Mò sâm banh*, *Nỗi truan chuyên của khách má hồng*, *Đợi chờ*, *Đôi mắt*... nhà văn đã mở rộng phạm vi sáng tác sang một số thể loại khác: nhật ký (*Ở rừng*), bút ký

(*Đường vô Nam, Trên những con đường Việt Bắc, Bốn cây số cách một căn cứ địch...*), kịch (*Đóng góp*)... Trong đó, những tác phẩm bút ký của ông được đánh giá “có giá trị đặc sắc và tiêu biểu cho văn xuôi kháng chiến thời kỳ đầu” (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu & Trần Hữu Tá, 2004, tr. 1028). Thật vậy, bút ký của Nam Cao là một “hành trình”, một “chuyến đi” đến với con đường cách mạng, nhận thức sâu sắc về cách mạng. Từ đó, con người tìm thấy được niềm tin yêu, sự lạc quan, gắn bó với cuộc sống, với nhân dân, đất nước.

2. NỘI DUNG

2.1 Khái niệm bút ký

Theo *Từ điển thuật ngữ Văn học* (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử & Nguyễn Khắc Phi, 2000), bút ký được định nghĩa là:

Thể loại thuộc loại hình kí thường có quy mô tương ứng với truyện ngắn... Bút ký ghi lại những con người và sự việc mà nhà văn đã tìm hiểu nghiên cứu cùng với những cảm nghĩ của mình nhằm thể hiện một tư tưởng nào đó (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử & Nguyễn Khắc Phi, 2000, tr. 23).

Các nhà nghiên cứu này nhìn nhận bút ký trong tương quan với truyện ngắn về dung lượng. Như vậy, dung lượng của ký thường không dài quá, đủ để truyền tải thông tin một cách ngắn gọn, súc tích, không có sự dàn trải, tản mạn. Vì vậy, bút ký đòi hỏi có một sức nén nhất định.

Về nội dung và đối tượng phản ánh, bút ký ghi nhận những trải nghiệm cùng với xúc cảm và suy nghĩ của bản thân tác giả về một sự việc, hiện tượng nào đó. Cụ thể, đó là những “sự việc, con người, cảnh vật... mà nhà văn mắt thấy, tai nghe, thường là trong một chuyến đi, một lần tìm hiểu nào đó” (Đỗ Đức Hiểu & cs., 2004, tr. 172 - 173). Như vậy, bút ký không mang đậm yếu tố hư cấu của truyện hay tính xác thực tuyệt đối của ký báo chí mà chỉ dừng lại ở mức tương đối, bởi đó là những thực nghiệm với những cảm xúc của tác giả. Do đó, bút ký văn học:

... không đòi hỏi tính xác thực ở mức tuyệt đối, tính cấp bách về thời sự. Nó đi sâu vào thế giới tâm hồn của con người, chú ý đến sự khắc họa tính cách thông qua một số cốt truyện (tuy không hoàn chỉnh như ở truyện ngắn) và những biện pháp tương tượng, liên tưởng, trữ tình với tất cả những nét riêng tư đặc sắc (Đỗ Đức Hiểu & cs., 2004, tr. 172 - 173).

Đối với những tác phẩm bút ký của Nam Cao, đó chưa hẳn là những tác phẩm xuất sắc nhất cho thể loại này nhưng nhìn chung cũng đã góp phần rất lớn cho diện mạo bút ký giai đoạn này cũng như văn xuôi Việt Nam thời kỳ đầu kháng chiến nói chung. Những tác phẩm bút ký khảo sát trong bài viết bao gồm: *Đường vô Nam, Những bàn tay đẹp ấy, Trên những con đường Việt Bắc, Từ ngược về xuôi, Bốn cây số cách một căn cứ địch, Vui dân công, Vài nét ghi qua vùng vừa giải phóng.*

2.2 Những nội dung nổi bật trong bút ký của Nam Cao

2.2.1 Sự thức tỉnh

Đối với bút ký, việc “làm nổi bật giá trị nhận thức là ý nghĩa hàng đầu” (Đỗ Đức Hiểu & cs., 2004, tr. 173). Hay nói khác hơn “giá trị hàng đầu của bút ký là giá trị nhận thức” (Lê Bá Hán & cs., 2000, tr. 24). Trong các tác phẩm bút ký của Nam Cao, vấn đề nhận thức cách mạng được nhà văn đặc biệt chú trọng bởi đó chính là tư tưởng chủ đạo trong thời đại lúc bấy giờ. Nhận thức về cách mạng, trước hết Nam Cao khẳng định khả năng “đánh thức” đối với nhiều hạng người, trong đó, nhà văn chú ý đến những đối tượng: trí thức tiểu tư sản, nhân dân miền ngược, những phần tử “khó trị”.

Đối với lớp người trí thức, Nam Cao đã cho thấy rõ sự dịch chuyển từ “bệnh giang hồ” sang “đi đúng đường”. Ở đây, Nam Cao không nhìn nhận trong tương quan chiều dài lịch sử mà nhà văn ghi nhận sự thay đổi đột ngột trong khoảng thời gian trước và sau khi bắt gặp cách mạng. Dưới cái nhìn của Nam Cao, trong “thời đại cái tôi”, phần lớn những người trí thức “nếu không là một “tội nhân” thì cũng là một “nạn nhân”” (Nam Cao,

Đường vô Nam, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 348) của xã hội thuộc địa dưới ách cai trị của thực dân và phong kiến. Đối với họ, cuộc sống bấy giờ chẳng khác nào là “địa ngục trần gian” nên một số trí thức tìm đường để “thoát ly”. Trong đó, trước hết, Nam Cao nhấn mạnh đến hiện tượng “xê dịch” hay “bệnh giang hồ” một thời đã là giấc mơ của bao người trí thức muốn thoát khỏi cuộc sống tù hãm. Họ:

... đi chỉ để mà đi, đi chẳng cần phải đến đâu; chỗ nào người ta cũng nói đến giang hồ, cũng thờ dài, rên lên nổi thềm đi, tuy rằng phần đông vẫn ở nhà vì không có thuốc gì cai được cái cơn ngứa hai bữa của mẹ hay của vợ (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 347 - 348).

Hoặc nếu có “xê dịch” được thì:

phần nhiều các cuộc “giang hồ vật” của họ chỉ đến xóm cô đầu đã cùng đường để họ sa vào một chị Cúc, chị Liên nào đó, học lấy một thứ bệnh khác ít người muốn thổ lộ ra như thổ lộ cái bệnh giang hồ, nhưng cũng làm họ rên không kém và tai hại thì cũng rất mực là tai hại (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 347 - 348).

Đó là những người “đi” không có mục đích, “đi” theo phong trào, nhận thức còn rất mơ hồ nên dễ dàng sa chân vào con đường lầm lạc khác. Đó không phải là lý tưởng, là cuộc sống đích thực, đó chỉ là nơi để họ tìm quên và buông xuôi thực tại. Thứ hai, đó là những người đi có mục đích:

cái đích ấy hút họ đi rất chăm chỉ, rất say mê, họ mài miết, can đảm, hăng hái bước, bước không hề trầy chân trật gối ở dọc đường, bước chí chết đậy mà kết cục cũng không đến được những nơi cần đến, những nơi họ vẫn định tâm rằng phải đến. Trái lại, lại càng xa ra nữa (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr.348).

Ở đây, Nam Cao có đề cập đến hiện tượng “xê dịch” của Nguyễn Tuân nhưng không phải với ý nghĩa mỉa mai, thông qua đó, nhà văn phê phán những người “ăn theo”, “bám đuôi” chủ nghĩa xê

dịch nhưng cuối cùng “lạc mất” đường về, tìm mãi không có lối thoát. Dưới cái nhìn của Nam Cao, đó chưa hẳn là hiện tượng phổ biến nhất nhưng cũng chiếm một lượng không nhỏ những con người mất định hướng trong cuộc sống và đó là dấu hiệu đáng buồn cho một thế hệ.

Nhưng từ khi có sự soi đường của ánh sáng cách mạng, những con người “lạc lối” ấy giờ đây đã “thức tỉnh hẳn... đã biết nhìn hẳn vào sự thật rồi. Những kẻ đi lầm đường thấy ngay rằng mình phải trở về con đường đúng mà đi” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 349). Con đường ấy là hoàn toàn mới, đó là “chỗ nguy hiểm”, tuy nhiên “nếu không vui vẻ thì ít nhất cũng bình tĩnh, vững dạ, như tin chắc chắn rằng thế nào mình cũng trở về, hoặc nghĩ bụng: “Mình chẳng về nữa thì cũng chẳng làm sao cả!”. Họ đi, lòng nhẹ nhõm không bịn rịn, không lo lắng. Ai cũng bằng lòng vì được đi” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 350).

Đó là “con đường ra mặt trận, con đường cứu nước” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 349). Đó là vai trò “khai sáng” của cách mạng đối với nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ. Khi mới hình thành, cách mạng vẫn là điều gì đó xa lạ với quần chúng nhân dân, nhưng dù sao cũng đã mang lại niềm tin cho họ, giúp họ thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt và bế tắc lúc bấy giờ. Họ bước đi trên con đường mà họ chưa biết tương lai ra sao, nhưng hiện tại nó đã tạo niềm tin, sự hy vọng vào một tương lai tốt đẹp. Chính niềm tin đó đã tạo nên sức mạnh để nhân dân dần bước. Như vậy, có thể thấy rằng ngay từ khi mới xuất hiện, cách mạng đã thể hiện vai trò lãnh đạo đúng đắn và khả năng tập hợp đông đảo lực lượng để giúp nhân dân giành lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đây là tiếng nói góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi xiềng xích nô lệ.

Đối với những người dân “miền ngược”, cụ thể ở đây là các dân tộc Mán, Mèo, Thổ, cách mạng đã làm thay đổi nhận thức và cuộc sống của họ. Nếu như trước đây, họ chỉ sống co hẹp trong bản làng

của dân tộc mình, chỉ tin tưởng vào dân tộc mình mà không biết đến thế giới bên ngoài, luôn hoài nghi với những dân tộc khác, sống lạc loài, chưa nhận thức được tính dân tộc, tinh thần yêu nước là gì thì giờ đây:

Cuộc cách mạng đã đổi hẳn bộ mặt xứ này đi. Đổi cả những con người. Con người mới, tin tưởng ở chính quyền nước mình, tin tưởng ở chính mình và những người sống quanh mình, mất hết cả tính e dè, sợ sệt... không còn sợ núi rừng. Tinh thành đã trà trộn với thôn quê và miền xuôi đã hòa lẫn cùng miền ngược (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 490).

Cuộc sống mở sang trang mới tươi sáng hơn với sự tự nhận thức về vai trò của cá nhân và tinh thần đoàn kết giữa cộng đồng các dân tộc vì một mục tiêu chung. Cuộc sống không còn bó hẹp trong khuôn khổ chật hẹp, tù túng, u muội mà đã có nhiều điều “du nhập” và “giao thoa” giữa các vùng miền, dân tộc. Đó cũng chính là sức mạnh đoàn kết mà cách mạng đã mang lại cho những con người nơi núi đồi heo hút này.

Đối với những phần tử “khó trị”, trước hết là lớp “người hèn” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 352), đó là những người có “vợ đẹp, con khôn, một gia đình quá êm đềm, nhiều khi chính là cái chần nhưng âm áp nó làm người ta ngại dậy những buổi sáng mùa đông giá rét” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 352). Đó là những người ăn trắng mặc trơn nhưng “rỗng tuếch” về tinh thần, họ ngại những sự thay đổi, những biến cố, những khó khăn vất vả. Hay đó là những “thằng mất dạy” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 353), đó là những công tử nhà giàu, cờ bạc, ăn chơi phung phí, lêu lổng, lếu láo, lười biếng, học lại dốt nhưng giờ đây thì họ đã “giác ngộ” và “thở ra mùi chính trị”. Sau cách mạng, Nam Cao lại tưởng như “đang mơ” khi gặp lại họ, bấy giờ đã trở thành “anh vệ quốc quân” lại chuẩn bị xung phong “tiến vào Nam”, hoặc trở thành lãnh đạo giúp làng xã có cuộc sống tốt đẹp hơn:

“làm việc rất hăng, cầm cờ bạc, bài trừ trộm cướp, mở các lớp bình dân, thúc đẩy việc tăng gia sản xuất” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 355). Như vậy, có thể thấy tính chất nhân văn của cách mạng, đó là việc cảm hóa con người, giúp con người nhận thức được vị trí của bản thân cũng như vai trò của mình đối với đất nước. Một con người có ích khi có đóng góp cho công cuộc chung của đất nước. Cách mạng không phân biệt tầng lớp, giai cấp, không truy cứu lỗi lầm, giúp con người phát huy được khả năng cũng như tạo điều kiện để con người hướng thiện. Đó là điều rất đáng quý, nó xóa đi mọi mặc cảm, định kiến về thân phận, về giai cấp vốn đã tồn tại lâu đời.

Như vậy, có thể thấy rằng, dưới cái nhìn của Nam Cao, cách mạng là con đường đúng đắn để nhân dân dần bước bởi nó không chỉ giúp con người thoát khỏi “cuộc đời đang ngừng trệ”, một “kiếp sống thâm hại” mà sâu xa hơn, nó mang đậm tính nhân văn, khơi gợi những bản chất tốt đẹp của con người, kêu gọi sự đoàn kết để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn. Đó là con đường xứng đáng để lựa chọn để “cả một dân tộc lên đường” (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 495).

2.2.2 *Khó khăn, gian khổ của những người làm cách mạng*

Trong cuộc đấu tranh cách mạng, những người lính cụ Hồ luôn phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, gian khổ khốc liệt bao gồm sự thiếu thốn về vật chất, những căn bệnh chực chờ, sự hiểm trở của địa hình, kẻ thù luôn rình rập và bủa vây, cái chết nhan nhản trước mắt. Trong bút ký của Nam Cao, những khó khăn ấy chưa hiện lên thật chi tiết và sống động nhưng phần nào cũng đã phác họa cho người đọc thấy được một số khó khăn của cuộc đời những người làm cách mạng.

Đó có thể là những đêm phải ngủ đường, ngủ rừng, phải đội nắng dầm mưa để rồi bị những căn bệnh sốt rét quái ác hành hạ hay cướp đi sinh mạng khi chân chưa với tới được miền đất hứa:

Một buổi chiều nắng gắt, chúng tôi đã gặp một cơn mưa chết người... Chúng tôi chen chúc nhau trong một căn lều hẹp bên đường, dưới chân một cái đèo cao. Lều dột lung tung. Đứng chỗ nào cũng bị nước rỏ xuống đầu. Quần áo chúng tôi dần dần bị ướt đẫm. Nền nhà bị làm lên, bản không kém gì chuồng lợn. Chúng tôi đứng trong đó, ướt át và nhớp nháp, mặt bị thấm và lòng bực tức (Nam Cao, *Vui dân công*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 533).

Sự bực tức ấy không phải là sự hồi tâm chuyển ý vì rời bỏ chốn ẩm nệm êm để vào sinh ra tử mà là sự căm tức đối với kẻ thù, bọn cướp nước, vì chúng mà cuộc đời chúng ta mới khổ đến thế. Cho nên, người chiến sĩ cách mạng càng gian khổ bao nhiêu thì họ càng quyết tâm chiến đấu bấy nhiêu. Đó cũng như là động lực giúp con người vượt qua những thử thách để tiếp tục chiến đấu.

Bên cạnh đó, Nam Cao thể hiện sự cảm phục đối với tinh thần vượt khó của những người cách mạng. Bởi với nhà văn, những gian nan vất vả ấy là tưởng chừng như không thể vượt qua nhưng những con người quả cảm ấy đã làm được, không chỉ nhất thời mà là trường kỳ:

Ai đã đi lại nhiều trên những con đường Việt Bắc, những con đường vượt núi, xuyên rừng, luồn khe, lội suối, lên xuống hàng trăm cái dốc, mũi chạm đất và chân sắp khô thì lại được dầm xuống nước – ai đã từng đi lại nhiều như vậy, đều phải ngạc nhiên về cái tài chịu đựng và sự cố gắng của dân mình để vượt những khó khăn (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 496 - 497).

Và bản thân Nam Cao đã phải trải qua những đoạn đường gian nan như thế, từ “Trên những con đường Việt Bắc” đến “Từ ngược về xuôi”, trên đường đi chứng kiến những cảnh “Vui dân công”, đến nỗi có lúc:

mắt hơi hoa lên một chút. Áo đẫm mồ hôi. Cổ thì khô cháy. Không thể vào nhà xin nước uống, tôi nhặt những quả trám trắng rụng nhan nhản ở dưới chân ăn. Trám trắng chan chất, lờ

lợ, chẳng lấy gì làm ngon lắm, nhưng nuốt xong, còn chút vị ngọt lững lờ trong cổ. Cũng là một cách cho đỡ khát (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 493).

Nam Cao ở Việt Bắc tổng cộng “vừa đúng một năm hai tháng mười một ngày” (Nam Cao, *Từ ngược về xuôi*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 502):

... có đen đi, có già đi, nhưng lại rắn rỏi hơn. Giao nước cũng chẳng sốt siết gì. Cái thân thể cò hương, cái tâm hồn chỉ một chiều u ám cũng đủ làm rũ hết, không ngờ lại có sức chống chọi ngang bướng ấy (Nam Cao, *Từ ngược về xuôi*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 502 - 503).

Đặc biệt, Nam Cao có dịp chứng kiến và đặc tả nổi cực khổ những đoàn dân công di chuyển những nhà máy từ những vùng địch tạm chiếm. Đó là những con người bình thường bao gồm nhiều thế hệ, từ già, trẻ, thanh niên, phụ nữ chân yếu tay mềm phải sử dụng toàn bộ sức lực và trí lực để phục vụ công việc vận tải tưởng chừng bất khả thi:

Tây vừa nhảy dù hôm trước thì hôm sau, những xưởng máy hàng ba bốn trăm người làm đã biến dần dần từng bộ phận của nó đi... Anh em công nhân xuất lực gấp bốn lần ngày thường để tháo, chuyển và chôn giấu. Họ quần quật suốt ngày đêm, ăn vôi vàng, ngủ qua loa, bỏ cả đánh răng rửa mặt. Cả một nhà máy lên đường... vượt hàng trăm cây số núi rừng để đi nơi khác (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 497 - 498).

Nhưng quả thật “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, có những lúc như thế người ta mới công nhận con người có khả năng “dời non lấp bể” hoặc “tát cạn biển đông”, việc vận tải những trang thiết bị nặng nhọc ấy cộng thêm với sự trắc trở của địa hình khiến cho công việc càng khó khăn bội phần, nguy hiểm bủa vây:

Có những cái dốc khổ sở, chỉ một người với một cái ba lô cũng đã phải đu vào từng cái cây để kéo người lên. Làm thế nào mà khiêng được ở những chỗ như thế này? Đứng vào đâu mà khiêng, nếu mà tuột chân hay tuột tay một cái thì tránh sao khỏi bị gang sắt đè giập xương hay gãy cẳng? Người ta phải dịch đi từng bước một, vừa dịch vừa chèn, vừa dùng xéng cuốc đào bực để dịch thêm bước nữa. Phải đến bốn, năm người phục dịch cho một bộ máy chỉ nặng chừng nửa tạ. Nếu nặng hơn thì lại càng nhiều sự vất vả... Hàng mấy chục tấn sắt đã qua đoạn đường này và đã vượt hàng trăm cây số (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 497 - 498).

Có thể nói, sức mạnh tiềm tàng của con người Việt Nam vô cùng to lớn. Mỗi khi có giặc ngoại xâm, sức mạnh ấy trỗi dậy và sẵn sàng nhấn chìm bọn cướp nước. Đó là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc, từ hậu phương đến tiền tuyến, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, Nam Cao đã không ngoa khi cho rằng: “dường như chẳng có một cái gì khó đối với chúng ta. Cái gì cần làm, cái gì muốn làm, chúng ta đều cho là làm được, và cố làm cho bằng được” (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 497).

2.2.3 Niềm tin và tinh thần lạc quan cách mạng – biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng

Đây là đặc điểm nổi bật nhất trong những tác phẩm bút ký của Nam Cao bởi đó là những trang viết thể hiện niềm phấn khởi, hân hoan của một tâm hồn được tái sinh từ cõi u ám. Ở đó, chúng ta không bắt gặp những nỗi tuyệt vọng, sự lo lắng, hoang mang, bất định trong cuộc đời mà hầu hết thể hiện nỗi niềm vui sướng khi được sống trong một cuộc đời mới. Niềm hạnh phúc đó là những khi được hòa vào cuộc sống gian nan, vất vả của đồng bào trong công cuộc đấu tranh cách mạng. Cho nên, dù cuộc sống có gian nan, khó nhọc nhưng tràn đầy niềm vui và sự lạc quan. Theo đó,

cuộc đấu tranh không hiện lên ác liệt với những mắt mắt đau thương, sinh li tử biệt mà đó là những trang văn thấm đẫm tâm hồn tươi mới, reo vui trước sự đổi thay của thời cuộc, của đất nước. Vì vậy, đó là những trang bút ký thấm đượm chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Trong đó, những người “anh hùng” ở đây không ai khác hơn đó là tập thể nhân dân Việt Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ nông thôn đến thành thị, từ trí thức tới nông dân, từ anh trai đến chị gái, từ em bé đến cụ già, tất cả tạo thành một lực lượng hùng hậu, thống nhất cùng hướng ra mặt trận.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong bút ký Nam Cao biểu hiện trước hết ở tinh thần xem thường những khó khăn gian khổ. Trong vất vả, con người tìm được tình yêu thương, ấm áp của tình người, tình dân tộc, tình đồng chí. Khi đó, khó khăn trở thành “dịp” để con người sum vầy bên nhau:

Ngủ đường cũng là một cái vui. Giữa những người đồng chí không quen mà lại rất thân, ấm vô cùng. Họ bắc đá, đốt lửa, thổi cơm. Ăn cơm rồi, vẫn để lửa, vừa đỡ muỗi, vừa vui. Lửa lập lòe. Một cuộc cắm trại hàng ba bốn trăm người. Nhưng thật tình những người mệt nhọc nằm ngời ló nhỏ ở quanh tôi, không thấy khổ (Nam Cao, *Vui dân công*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 532).

Thật vậy, hình ảnh những con người xa lạ có thể tập hợp và ngồi cạnh bên nhau, cùng chia ngọt sẻ bùi, cùng sống trong cảnh “rừng hoang sương muối” là những khoảnh khắc mà trong hàng mấy mươi năm trước nào ai biết được. Cho nên, dù đó là sự sum vầy trong thiếu thốn, cực nhọc nhưng những người cách mạng không cảm thấy “khổ”. Con người ta thấy khổ khi ở giữa đám đông nhưng cảm thấy lạc loài. Nhưng ở đây không còn sự lạc loài. Mọi người trò chuyện, quan tâm lẫn nhau giống như người chung một họ, một làng. Chính tình người nhân ái đã làm ấm lại biết bao trái tim tưởng đã nguội lạnh và đang thèm khát được tái sinh và bùng cháy. Và giờ đây họ đã thực sự bùng cháy. Họ quan niệm: “Cuộc kháng chiến

càng gần thắng lợi thì càng chật vật, nhưng càng chật vật thì lại càng thắng lợi” (Nam Cao, *Vui dân công*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 532). Nhận thức được mối quan hệ biện chứng ấy nên dù có trải qua trăm ngàn khó khăn, tốn bao nhiêu mồ hôi nước mắt thậm chí cả xương máu họ cũng không ngần ngại.

Bên cạnh đó, đó còn là cái nhìn thi vị về những con người cần lao trong những cuộc hành quân gian khổ:

Hàng trăm người khiêng gánh – nhiều như mối sau một trận mưa rào – từ trên đồi đổ xuống, tảo ra ở trên dốc thành hai, ba dòng uốn éo. Những dòng người như chạy thi với những dòng nước cũng thi nhau lao xuống dốc, thành những dòng uốn éo... Đến lưng chừng đồi, chỉ còn một lối đi, những dòng người chập lại nhau. Cả một thác người xuống, mạnh hơn thác nước... (Nam Cao, *Vui dân công*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 534).

Sử dụng biện pháp so sánh cùng với góc nhìn của người họa sĩ, Nam Cao đã làm nên một bức tranh về đoàn dân công đang vận tải mang màu sắc lãng mạn. Đó như là một cuộc diễu hành chứ không phải một cuộc hành quân. Nhưng không vì thế mà tác giả tự tách mình ra khỏi cuộc sống gian khổ để thi vị hóa cuộc sống, Nam Cao từng khẳng định:

Tôi không ghét gì bằng thi vị hóa cuộc đời. Nhưng thật tình từ hồi kháng chiến, mặc dầu những tàn phá, chết chóc chia lìa cực kỳ đau đớn, bộ mặt nước mình vẫn có vẻ tươi trẻ, vui mạnh hơn lên (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 495).

Chính vì thế, từ những khó khăn gian khổ ấy, con người cần phải tìm được niềm vui để vững tâm bước tiếp trên chặng đường chông gai đầy thử thách ấy. Nếu chỉ biết bi quan, lụy phiền thì khó khăn chỉ làm thêm chùng bước. Do đó, sức mạnh của dòng “thác người” ấy đã khiến cho “Chúng tôi không thể nào sầu thảm nữa... Thác vui đổ xuống đã làm trời đột nhiên như sáng bừng lên. Màu núi thêm tươi và lòng chúng tôi phấn khởi”

(Nam Cao, *Vui dân công*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 534). Với cách nói giàu hình ảnh, Nam Cao đã cho thấy được tâm trạng phấn khởi, niềm hân hoan, nhận thức tinh khôi, mới mẻ về con đường cách mạng. Nó không khắc họa “cái bi” để làm động lực chiến đấu mà khắc họa “cái đẹp” để gieo niềm tin vào công cuộc chiến đấu.

Thứ hai, con người cách mạng xem thường sự nguy hiểm và vẫn giữ được sự điềm tĩnh trong chiến tranh. Dân tộc Việt Nam vốn yêu chuộng cuộc sống hòa bình nên bằng mọi cách họ luôn tìm cách duy trì và giữ vững cuộc sống bình yên, an lành:

Cánh đồng rất thái bình. Lúa xanh rờn, lúa có đồng đồng hay đã chín hẳn, bông nặng trĩu. Đã lác đác có người đi gặt... Người đi buôn ồn ào trong các chợ, tấp nập trên các con đường, tươi cười trong quán nước, hàng cơm (Nam Cao, *Từ ngược về xuôi*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 503 - 504).

Trong những bức tranh cuộc sống ấy không có gam màu xám của sự chết chóc và tang thương mà tràn đầy màu sắc tươi xanh của sự sống, của niềm vui thái bình, an cư lạc nghiệp. Bức tranh sinh hoạt đời thường ấy dù chỉ là trong chốc lát nhưng cũng đủ làm cho con người tin yêu hơn vào cuộc sống và tiếp tục bám đất, bám làng để giành lại sự sống cho bản thân, gia đình và cả đất nước. Nhưng cuộc sống ấy cũng không hẳn bình yên bởi sự quấy phá của kẻ thù:

Hai người nhảy cá xuống sông. Một người bám lấy một sợi dây buộc vào thuyền, cứ chạy quanh cái thuyền để tránh làn đạn của máy bay. Nước bắn tóe lên ở chung quanh. Nhưng họ không chết. Thuyền cũng không trúng đạn. Trong khi ấy, ở cánh đồng vẫn gặt. Người đi đường vẫn cứ đi. Ông giáo ở trường bên đọc chính tả vẫn choang choang (Nam Cao, *Từ ngược về xuôi*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 504 - 505).

Đó là tinh thần “sống chung với lũ” của nhân dân vùng địch tạm chiếm. Sống trong nguy hiểm, con người càng mạnh mẽ và chiến đấu càng kiên

cường, quyết liệt. Hình ảnh ấy gọi cho người đọc như một trò chơi “cút bắt” của trẻ con, nó không mang tính ác liệt, thảm khốc mà ngược lại, đó như là chuyện vui thường ngày được kể. Con người vẫn luôn giữ vững được tinh thần trong những cơn chấn động, nguy biến, có như thế mới chiến đấu đến cùng trong cuộc chiến trường kỳ với kẻ thù lớn mạnh. Đó chính là sức mạnh vô song mà không có kẻ thù nào có thể tàn phá nổi. Nói như Nam Cao:

Cái nghị lực của dân tộc ta là một thứ nghị lực bình tĩnh, lặng lẽ, tiềm tàng. Nó không nổ tung ra một cách âm ỉ như trái phá, cốt mìn. Nó không chuyển đất rung trời như núi lửa. Nó là dòng sông cần cù, đêm ngày mài giũa đôi bờ để tạo cho mình một con đường rộng rãi ra, đêm ngày bồi đắp những cánh bãi phì nhiêu và ngày càng bát ngát. Nó biểu lộ ra ngoài một cách giản dị và thân nhiên, gần như không tự biết (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 496).

Thứ ba, con người cách mạng luôn có niềm tin tưởng vào một tương lai tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn. Trước hết, đó là niềm tin vào sức mạnh của dân tộc: “Dường như chẳng có một cái gì khó đối với chúng ta. Cái gì cần làm, cái gì muốn làm, chúng ta đều cho là làm được, và cố làm cho bằng được” (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 497). Chính sự kiên trì, cần cù và nhẫn nại, tinh thần đoàn kết cùng vượt khó khăn gian khổ đã tạo nên sức mạnh ấy. Nam Cao đã phát hiện ra phẩm chất quý báu ấy của con người Việt Nam, càng trong gian khổ thì sức sống càng mãnh liệt, nó “đang độ lớn lên, rất dồi dào. Nay mai, những xiềng xích tháo tung rồi, chúng ta sẽ lớn rất mau và rất mạnh” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 358). Đó là một sức sống dẻo dai, bền bỉ sinh sôi nảy nở:

Có những cái ấy nếu người ta cắt ngọn nó đi, nó sẽ mọc lên rất nhiều cành. Nếu người ta cắt một cái cành của nó đi, nó sẽ mọc mười cái cành khác. Sức sống mạnh mẽ, cần có để vọt ra, một đô thị cũ của chúng ta bị phá hủy hay bị thối, hàng chục năm mầm đô thị khác mọc

ra. Sức sống quá dồi dào, không bao giờ chịu để vùi dập cả. Tôi có thể đoán trước rằng những mầm đô thị mới mọc hiện nay sẽ thành những đô thị lớn ngày mai. Ngay trong cảnh tàn phá chiến tranh, ngay trong cơn rung chuyển bão táp những mầm non đã nhú, bộ mặt của Việt Nam tương lai đã lờ mờ hiện (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 500).

Với cái nhìn của con người mới bước chân vào con đường cách mạng, Nam Cao đã sớm tiếp thu được tư tưởng cách mạng cũng như không ngần ngại thể hiện niềm tin yêu, hân hoan về một cuộc đời mới mà cách mạng mang lại. Đó không phải là sự tiếp thu thụ động một chiều mà nó được đúc kết từ những trải nghiệm thực tế của nhà văn. Chính vì thế, những trang bút ký của Nam Cao “là những ký họa sinh động, tràn ngập không khí lạc quan, có những hình ảnh giản dị, đẹp đẽ về chủ nghĩa anh hùng, tất cả toát lên vẻ đẹp và sức mạnh tinh thần của bộ đội, nhân dân trong chiến dịch” (Đỗ Đức Hiểu & cs., 2004, tr. 1028).

2.2.4 *Tinh thần tự vấn*

Nhận xét về con người của Nam Cao, Nguyễn Đăng Mạnh đã viết rằng:

... ông không phải thần thánh gì, nghĩa là cũng có đủ cái ưu cái khuyết thường thấy ở những người trí thức tiểu tư sản. Sau này khi đã tham gia cách mạng, ông cũng không phải đã thanh toán được mọi thói tật của mình. Nhưng điều đáng quý là ông luôn lấy làm xấu hổ về những chỗ hèn kém của mình và quyết đấu tranh với bản thân để vươn lên cái đúng, cái đẹp, cái tốt (Nguyễn Đăng Mạnh, 2006, tr. 236).

Nhận xét ấy của Nguyễn Đăng Mạnh đúng với cả hai giai đoạn sáng tác của Nam Cao. Nếu như trước cách mạng, Nam Cao thể hiện gián tiếp tinh thần tự vấn thông qua việc khắc họa bản thân mình trong hình ảnh các nhân vật với những tính cách yếu kém thì sau cách mạng, Nam Cao trực tiếp “tự thú” bằng chính những phát ngôn nghệ thuật của mình. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của bút ký bởi đó là nơi ghi nhận và giải bày những cảm xúc của tác giả. Ở đây, chủ yếu Nam Cao đề cập đến sự chuyển biến trong tư

tưởng cũng như những hạn chế của bản thân trên con đường dẫn thân làm cách mạng.

Đối với bản thân Nam Cao, ông nhìn nhận sự thay đổi trong tư tưởng của mình theo chiều hướng tích cực. Nếu như trước đây, thế giới quan trong sáng tác của Nam Cao chủ yếu là cuộc sống quần quanh, nghèo túng, bế tắc của người trí thức tiểu tư sản và người nông dân nghèo thì giờ đây, tác giả khẳng định: “Chưa bao giờ tôi thấy đời thanh xuân đến thế và không khí ngon lành đến thế” (Nam Cao, *Vui dân công*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 531 - 532). Thế giới quan của nhà văn bây giờ không còn bó hẹp trong phạm vi một vài đối tượng riêng lẻ nào mà nhà văn hướng đến một thế giới ấm áp tình người. Ở đó có sự bình đẳng và thương yêu lẫn nhau:

Từ khi xảy ra kháng chiến, có dịp thay đổi chỗ ở rất nhiều, tôi mới tìm ra điều này thật âm lòng, là ở bất cứ chỗ nào trên đất nước Việt Nam, chúng ta đều có những người thân thuộc của chúng ta... Không đến chỗ nào chúng ta bị cái cảnh quê người đất khách. Trái lại, ở đâu ta cũng có cảm giác là ở một nơi thân thuộc (Nam Cao, *Trên những con đường Việt Bắc*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 489).

Hòa mình vào cuộc sống chiến đấu gian khổ, Nam Cao nhận thức rằng đó mới chính là bản chất của cuộc sống, là nơi đáng sống và nên sống. Bởi vì ở đó nhà văn cảm thấy không bị cô lập, không đơn độc, không có sự phân biệt giàu nghèo, đẳng cấp. Ở đó, con người biết thương yêu và đùm bọc lẫn nhau, cùng chung một nhiệm vụ, lý tưởng, chung một tiếng nói. Tiếng gọi “đồng chí” nghe thân thương và ấm áp biết bao, như xóa đi khoảng cách hàng nghìn năm trước đó, như kéo lại gần những con người vốn xa lạ nhưng vẫn có chung cội nguồn là con Rồng cháu Tiên. Chính vì thế, thế giới quan trong sáng tác của Nam Cao sau cách mạng không còn hướng đến một vài cảnh đời bất hạnh mà đó là cảnh đời gian nan khổ cực nhưng vui tươi của những con người đang “bay theo đường dân tộc đang bay” (Chế Lan Viên). Việc tự nhận thức được sự thay đổi về tư tưởng như thế không phải hiếm hoi đối với các nhà văn tiền cách mạng, tuy nhiên, nhận thức ở mức độ nông sâu và

tính cấp thiết trong giai đoạn nhận đường này là một bước ngoặt rất lớn đối với cả một thế hệ nhà văn bấy giờ.

Khi bước chân vào con đường sương gió, Nam Cao nhiều lần “tự phê bình” bản thân khi thấy mình còn thiếu sót và thua kém. Đó có thể là những lúc “tự chế giễu” mình khi nhìn nhận lại một chặng đời đã qua khi Nam Cao nhắc đến “bệnh xê dịch”: “Chính tôi cũng chỉ là một trong bọn đó thôi. Tôi nhắc lại đây để mà cười, như người ta cười khi nhắc đến những cái lầm lỗi, điên rồ của chính mình một thời đã qua rồi” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 349). Cái cười đó vừa có vẻ quê quê, vừa có vẻ hời hợt nhưng cũng không kém hóm hỉnh bởi tự mình trêu đùa mình.

Nhưng không chỉ có thế, khi dần thân sâu vào cuộc đời cách mạng, Nam Cao còn nhận ra nhiều yếu kém của bản thân, trong đó chủ yếu là nhà văn tự nhận mình là “kẻ nhát”, “hèn” vì cảm thấy lo sợ khi sống trong chiến tranh. Đó có thể là nỗi lo khi một thân một mình bôn ba trong đêm ngày sát trong lòng địch. Tác giả cảm thấy mỗi nguy luôn chực chờ nên sợ hãi: “Rõ thật là anh chàng nhát gan vừa ở một chỗ an toàn đến! Tôi tự cười tôi như vậy” (Nam Cao, *Bốn cây số cách một căn cứ địch*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 514), để khi thấy dân chúng “lên” về làng để lấy lương thực và hàng hóa đi tản cư một cách thản nhiên và vui vẻ thì “Tôi lại càng thấy tôi là hèn” (Nam Cao, *Bốn cây số cách một căn cứ địch*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 514). Hay như cảm giác bản thân “lạc hậu” so với thời cuộc khi từ miền ngược trở về miền xuôi:

...về giữa họ, tôi thấy tôi là một thằng nhút nhát. Và lạc hậu” bởi “Mới về đến Sơn, tôi đã hỏi người ta đủ thứ. Đêm ngủ ở đây có được không? Chúng nó tiến thế nào? Nếu gặp chúng nó thì nên chạy như thế nào? Nên đi bộ hay đi đò? Đi đêm hay đi ngày? (Nam Cao, *Từ ngược về xuôi*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 503).

Nhưng đâu biết rằng “Đồng bào miền xuôi đã đi sâu vào kháng chiến. Tàu bay, tiếng súng, giặc cướp làng...đã thành chuyện hàng ngày” (Nam Cao, *Từ ngược về xuôi*, trong Hà Minh Đức, 1999,

tr. 503). Đó như là một tiếng cười trêu đùa hóm hỉnh của nhà văn đối với bản thân. Nhưng thực chất đó là cảm giác chân thật nhất của tác giả khi trải qua những khoảnh khắc sống động như thế. Đó là một điều có thể cảm thông và chia sẻ được. Bản thân Nam Cao đã không tự “tâng bốc” hay “vẽ vời” thêm về bản thân khi đứng trước những khó khăn, nguy hiểm trong cuộc chiến. Từ đó, cho ta cái nhìn về nhà văn ở góc độ đời tư thật hơn, gần gũi hơn mà không phải thi vị hóa hình ảnh tác giả.

Đặc biệt hơn cả, trên trang viết của Nam Cao, ta bắt gặp những suy tư, trăn trở về vai trò của người cầm bút đối với cuộc đấu tranh cách mạng:

Nhưng không hiểu sao tôi vẫn thấy tui tui thế nào ấy. Cây bút của tôi bất lực. Nó không khắc ra lửa và đạn như cây súng. Nó ì ạch chạy theo phong trào mãi mà không kịp. Các bạn tôi cũng đều thấy na ná như tôi. Họ thấy rằng bàn tay họ, nếu chưa cầm súng một phen thì cầm bút cũng vụng về (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 357).

Nam Cao tự cho mình là kẻ bất lực và vô dụng trong cuộc chiến máu lửa của đất nước. Bởi lúc ấy, cuộc sống vận động gấp gáp và sôi nổi, chỉ có cầm vũ khí chiến đấu mới theo kịp những trang sử mới, còn ngòi bút luôn đi sau để ghi chép lại một thời đã qua. Điều đó thể hiện được tấm lòng của con người năng động muốn làm chủ cuộc sống, hăng hái hòa mình bắt kịp nhịp sống mới.

Việc thể hiện cảm xúc của tác giả trong bút ký là một điều hiển nhiên, nhưng việc phơi bày những hạn chế của mình một cách chân thành trên trang viết thì mấy ai đã làm được. Nhưng Nam Cao đã làm được. Ông không ngần ngại “vạch áo cho người xem lưng” bởi theo nhà văn, đó không phải là một điều gì xấu mà nó thể hiện quan niệm cũng như nhận thức về sai lầm và sửa đổi. Có thể nói, nói lên được khuyết điểm của người khác đã là dũng cảm, nhưng nói lên được hạn chế của chính mình là một sự dũng cảm hơn. Nam Cao đã chiến thắng được tư tưởng hạn hẹp. Điều đó thể hiện bản lĩnh của con người dám nghĩ, dám làm, dám đấu tranh với cái xấu dù cho nó tồn tại trong chính bản thân mình. Những biểu hiện “tự vấn” trên thể

hiện đúng bản chất của giai đoạn nhận đường, để thấy được cuộc đời thay đổi, trước hết phải thấy được sự thay đổi trong bản thân mình.

3. KẾT LUẬN

“Sống đã rồi hãy viết” (Nam Cao, *Đường vô Nam*, trong Hà Minh Đức, 1999, tr. 357), đó là tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám. Bản thân nhà văn đã tuân thủ theo quan niệm này khi viết những trang bút ký. Đó là những trải nghiệm mà bản thân tác giả đã ném trải trên con đường đấu tranh cách mạng. Nhờ đó, nhà văn mới thấu hiểu thêm những mảng hiện thực mà trước đây bản thân chưa được biết đến. Đó là những trang viết chân thật, sinh động, những rung động trong trái tim và tâm hồn của một con người mới trước thời cuộc mới, những suy nghĩ chín chắn hơn và cách nhìn đời tin yêu, lạc quan hơn. Tất cả đã góp phần thể hiện chủ nghĩa anh hùng và tư tưởng lạc quan cách mạng trong văn học Việt Nam giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám. Đó là đóng góp quan trọng của bút ký nói riêng và sáng tác của Nam Cao nói chung trong giai đoạn đầu của văn học cách mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu & Trần Hữu Tá (chủ biên). (2004). *Từ điển Văn học (bộ mới)*. TP HCM: Nhà xuất bản Thế giới.
- Hà Minh Đức. (1961). *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa.
- Hà Minh Đức (sưu tầm, giới thiệu). (1999). *Nam Cao toàn tập, tập III*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử & Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên). (2000). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Mạnh. (2006). *Nhà văn Việt Nam hiện đại, Chân dung & phong cách*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàn Khung, Lê Chí Dũng & Hà Văn Đức. (1999). *Văn học Việt Nam 1900 - 1945*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.